

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày: 10-7-2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ân

2. Bà Võ Ngọc Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Bùi Thành Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng M, sinh năm 1953.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Võ Hoàng P, sinh năm 1973 “vắng mặt”.

2.2. Chị Nguyễn Thị O (tên gọi khác: Nguyễn Thị B), sinh năm 1972 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1983 “vắng mặt”.

3.2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1957 “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đăng M trình bày: Do chỗ bà con chú bác ruột

với Chị Nguyễn Thị O nên vào ngày 06/11/2009 giữa ông và vợ chồng anh Võ Hoàng P, chị Nguyễn Thị O có thỏa thuận cùng vay vốn Ngân hàng. Ông có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 2.170m², còn anh P thì đi làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng G, chi nhánh Vĩnh Long - phòng Giao dịch B số tiền vay vốn là 40.000.000đồng nhưng hồ sơ thì do ông đứng tên vay. Ông nhận 20.000.000đồng, anh P và chị O 20.000.000đồng. Sau khi vay thì anh P và chị O có trả lãi được một, hai lần do thời gian quá lâu không nhớ cụ thể. Sau khi vay khoảng 06 tháng, ông có trả vốn cho Ngân hàng 13.000.000đồng và lãi của số tiền vay 40.000.000đồng là 5.372.000đồng. Số lãi này mỗi người ½ là 2.686.000đồng. Do anh P và chị O không có tiền trả nên ông phải trả thay. Ông và anh P, chị O thỏa thuận số tiền ông trả lãi thay cho Ngân hàng sẽ tính vào số vốn vay của anh P, chị O là 22.686.000đồng. Ngày 06/4/2014 âm lịch (nhằm ngày 04/5/2014 dương lịch) và anh P có viết cam kết cho ông số tiền nhờ ông vay vốn là 22.686.000đồng và lãi 04 năm chưa trả (và cam kết đến ngày 15/5/2014 âm lịch trả gốc và lãi nhưng đến nay anh P, chị O không trả. Ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng đến nay ông không có điều kiện để trả cho Ngân hàng. Sự việc ông có nhờ tổ hòa giải và được hòa giải ngày 10/02/2015, chị O thừa nhận có vay tiền. Ông yêu cầu anh P, chị O trả vốn 22.686.000đồng và 67 tháng lãi, với lãi suất 1,5%/tháng bằng 22.799.430đồng. Tổng cộng vốn, lãi 45.485.430đồng.

Tại văn bản (biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2020) chị Nguyễn Thị O trình bày: Vào ngày 10/02/2015 chị có tham gia hòa giải ở tổ hòa giải ấp C, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 10/02/2015 chồng chị là anh Võ Hoàng P vắng mặt. Tại cuộc hòa giải chị thừa nhận là vợ chồng chị có nhờ ông M vay tiền Ngân hàng 20.000.000đồng, do chồng chị đi với ông M lên Ngân hàng ở B vay vào năm 2009. Việc vay tiền có trả vốn, lãi bao nhiêu thì chị không rõ. Nay ông M khởi kiện yêu cầu vợ, chồng chị trả 45.485.430đồng thì chị không quyết định được mà mọi việc đều do anh P quyết định.

Sau khi thụ lý đơn của ông M, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Ông thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu anh P trả nợ vốn 22.686.000đồng và lãi quá hạn theo hợp đồng vay vốn giữa ông và Ngân hàng đầu tư và phát triển ngày 06/11/2009, do số tiền vay này ông đứng vay hộ cho anh P, chị O.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Võ Hoàng P và chị Nguyễn Thị O có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Đăng M số tiền vốn lãi 44.489.877đồng.

Án phí bị đơn nộp toàn bộ là 2.224.493đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Đăng M khởi kiện yêu cầu anh Võ Hoàng P và chị Nguyễn Thị O, địa chỉ cư trú ấp C xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long trả số tiền vốn, lãi 45.485.430đồng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Các đương sự có giao dịch dân sự xảy ra trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh P, chị O được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung: Vào ngày 06/11/2009 anh Võ Hoàng P, chị Nguyễn Thị O có thỏa thuận để cùng vay vốn Ngân hàng V, chi nhánh Vĩnh Long - phòng Giao dịch B. Ông M có quyền sử dụng đất còn anh P là người đi làm thủ tục vay vốn số tiền vay vốn là 40.000.000đồng nhưng ông M đứng tên vay. Thỏa thuận mỗi người vay 20.000.000đồng là thực tế có xảy ra. Bởi, lời trình bày của ông M phù hợp với lời trình bày của chị O, phù hợp với biên bản hòa giải do tổ hòa giải ấp D, xã K và những người làm chứng biết sự việc vay vốn giữa anh P và ông M. Mặt khác, tại biên nhận ngày 06/4/2014 âm lịch (nhằm ngày 04/5/2014 dương lịch) anh P thừa nhận có nợ ông M số tiền nhờ ông vay vốn là 22.686.000đồng và lãi 04 năm chưa đóng. Như vậy, có căn cứ chứng minh số tiền vốn thỏa thuận lại, anh P, chị O vay là 22.686.000đồng. Ông M yêu cầu anh P, chị O trả lãi cho ông theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 10,5%/ năm, lãi quá hạn 150% của lãi vay bằng 1.313%/tháng, từ ngày 04/5/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 73 tháng 6 ngày bằng 21.803.877đồng. Số tiền lãi này là không cao, bởi tính theo lãi suất quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với thời gian ông M thừa nhận chưa trả lãi 04 năm kể từ ngày 04/5/2014 cộng với thời gian ngày xét xử sơ thẩm là 121 tháng 06 ngày thì số tiền lãi cao hơn nhiều so với tiền lãi ông M

yêu cầu và cũng thấp hơn lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng như vậy có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Đối với số tiền vay trước khi anh P và chị O đăng ký kết hôn nhưng trong thời gian này anh P, chị O đã sống chung với nhau, đã có con chung, mục đích vay cũng nhằm mục đích thiết yếu gia đình, chị O cũng thừa nhận nợ chung nên nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh P, chị O phải nộp 5% trên số tiền bị buộc trả bằng 2.224.493 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 174, 176 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng M.

Buộc anh Võ Hoàng P và chị Nguyễn Thị O có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Đăng M số tiền vốn, lãi 44.489.877 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu anh Võ Hoàng P và chị Nguyễn Thị O chưa trả xong số tiền trên cho ông Nguyễn Đăng M thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Võ Hoàng P và chị Nguyễn Thị O có nghĩa vụ nộp 2.224.493đ (Hai triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKS nhân dân huyện T: 01;
- Đường sự: 03;
- Chi cục Thi hành án huyện T: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong